

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 9**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước - Công ty Sông Đà 9 - trực thuộc Tổng công ty Sông Đà theo Quyết định số 2195/QĐ-BXD ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100845515, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006 với số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 0103010465, đăng ký thay đổi lần thứ 10 là ngày 08 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 37683746

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, buro điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình;
- Khai thác mỏ, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy điện, nhà máy xi măng;
- Chế tạo và lắp đặt các cấu kiện cơ khí, xây dựng, phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy, các loại máy xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, xăng, dầu, mỡ, bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hải Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Đoàn Hùng Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Gia Hân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Bà Vũ Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Lương Thế Lăng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh Huế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hải Sơn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2019
Ông Lê Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2021
Ông Quách Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Hải Sơn - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chọn soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Sơn

Ngày 26 tháng 8 năm 2021

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam	
	Tel: +84 (028) 3547 2972	Fax: +84 (028) 3547 2970
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam	kttv@a-c.com.vn
	Tel: +84 (024) 3736 7879	Fax: +84 (024) 3736 7869
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam	kttv.hn@a-c.com.vn
	Tel: +84 (0258) 246 5151	Fax: +84 (0258) 246 5806
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam	kttv.nt@a-c.com.vn
	Tel: +84 (0292) 376 4995	Fax: +84 (0292) 376 4996
		kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0506/21/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2021, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.141.470.858.649	1.082.631.763.614
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.740.172.079	30.464.854.167
1. Tiền	111		18.740.172.079	30.464.854.167
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		724.467.079.229	705.095.565.843
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	536.311.766.492	523.125.887.586
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	151.996.836.887	147.774.926.697
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	1.189.141.728	2.189.141.728
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	62.289.632.744	59.308.322.149
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(27.320.298.622)	(27.302.712.317)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		368.838.861.310	324.809.148.232
1. Hàng tồn kho	141	V.8	368.838.861.310	324.809.148.232
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.424.746.031	22.262.195.372
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	701.702.674	279.741.521
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.600.638.110	21.091.810.689
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	122.405.247	890.643.162
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.005.959.935.867	1.088.592.002.260
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	52.412.484.908
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	-	52.412.484.908
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		908.814.141.473	942.270.000.746
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	904.201.641.473	937.657.500.746
<i>Nguyên giá</i>	222		1.693.493.697.289	1.693.493.697.289
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(789.292.055.816)	(755.836.196.543)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.612.500.000	4.612.500.000
<i>Nguyên giá</i>	228		4.692.500.000	4.692.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(80.000.000)	(80.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		333.553.802	333.553.802
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		333.553.802	333.553.802
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		92.449.623.071	89.371.684.818
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2a	85.347.816.852	85.347.816.852
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	31.412.940.000	31.412.940.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(24.311.133.781)	(27.389.072.034)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.362.617.521	4.204.277.986
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.909.359.219	2.751.019.684
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.453.258.302	1.453.258.302
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.147.430.794.516	2.171.223.765.874

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.561.341.980.757	1.585.888.292.395
I. Nợ ngắn hạn	310		1.114.112.003.421	1.141.321.359.390
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	180.276.346.958	158.395.864.011
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	224.111.419.763	254.162.372.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	21.116.540.007	8.323.466.153
4. Phải trả người lao động	314		20.312.901.446	27.745.905.419
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	110.679.790.832	135.275.671.961
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	241.225.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	103.295.276.213	99.064.778.967
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	448.413.691.434	452.005.038.848
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	5.906.036.768	6.107.036.768
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		447.229.977.336	444.566.933.005
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	6.782.748.810	6.782.748.810
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	440.447.228.526	437.784.184.195
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		586.088.813.759	585.335.473.479
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	586.088.813.759	585.335.473.479
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.400.709.579	21.400.709.579
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		219.965.678.005	219.965.678.005
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.382.426.175	1.629.085.895
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.561.885.895	1.629.085.895
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		820.540.280	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.147.430.794.516	2.171.223.765.874

Người lập biểu



Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng



Trần Thế Anh

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc




CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	142.687.760.659	150.611.868.578
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		142.687.760.659	150.611.868.578
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	100.412.790.754	119.426.344.174
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.274.969.905	31.185.524.404
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	10.813.782.772	7.642.222.740
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	33.938.284.499	21.818.735.299
Trong đó: chi phí lãi vay	23		36.994.691.017	20.688.818.952
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.5	13.627.675.291	13.471.326.738
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.522.792.887	3.537.685.107
11. Thu nhập khác	31		135.000.000	439.242.866
12. Chi phí khác	32	VL.6	1.490.775.489	1.148.944.891
13. Lợi nhuận khác	40		(1.355.775.489)	(709.702.025)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.167.017.398	2.827.983.082
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	174.795.087	1.457.854.564
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.992.222.311	1.370.128.518
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc

Phùng Thị Minh Nghĩa

Trần Thế Anh

Nguyễn Hải Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.167.017.398	2.827.983.082
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	33.455.859.273	20.614.734.782
- Các khoản dự phòng	03		(3.060.351.948)	1.102.900.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(77.930.521)	(41.054.184)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.735.852.251)	(7.519.089.959)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	36.994.691.017	20.688.818.952
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		60.743.432.968	37.674.292.673
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		36.863.037.638	58.656.507.083
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(44.029.713.078)	(24.626.651.643)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(26.955.289.004)	(30.587.611.853)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(580.300.688)	2.253.961.208
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(35.540.268.830)	(20.824.725.813)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.523.329.927)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(201.000.000)	(26.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.223.430.921)	22.519.171.655
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11.203.363.327)	(61.206.909.521)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.735.852.611	7.519.089.959
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		532.489.284	(53.687.819.562)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	106.395.922.023	200.565.975.173
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(107.429.440.237)	(160.360.347.683)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.033.518.214)	40.205.627.490
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(11.724.459.851)	9.036.979.583
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	30.464.854.167	17.062.668.006
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(222.237)	(9.972.880)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	18.740.172.079	26.089.674.709

Người lập biểu

Phùng Thị Minh Nghĩa

Kế toán trưởng

Trần Thế Anh



Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hải Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình; Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy điện, nhà máy xi măng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu có trụ sở chính tại xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất điện. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 901	86 Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 905	Thôn Phiêng Mỹ, xã Bản Liền, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai
Chi nhánh Sông Đà 908 (*)	Bản Noong Kiêng, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
Ban Quản lý dự án Thủy điện Pake	Thôn Lù Di Sán, xã Sán Chải, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

(*) Ngày 07 tháng 5 năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 27/2021/QĐ-HĐQT ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Sông Đà 9.08. Theo đó, Chi nhánh Sông Đà 9.08 chấm dứt hoạt động kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2021, tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo tài chính này Chi nhánh Sông Đà 9.08 vẫn đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục giải thể và đóng mã số thuế.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 315 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 337 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác, được xác định cho từng công trình (CT), Hạng mục công trình (HMCT) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- ✓ Đối với CT, HMCT có khối lượng xây lắp hoàn thành được ghi nhận doanh thu trong kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh} \\ \text{doanh dở dang cuối kỳ} \\ \text{của từng CT/HMCT} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \\ \text{của từng CT/HMCT} \end{array} \times (1 - \text{Tỷ lệ lãi định mức})$$

Trong đó: tỷ lệ lãi định mức được Công ty xác định là 10% (kỳ trước là 10%). Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ được xác định trên cơ sở khối lượng dở dang cuối kỳ theo kết quả kiểm kê.

- ✓ Đối với CT, HMCT chưa có khối lượng xây lắp hoàn thành được ghi nhận doanh thu trong kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh} \\ \text{doanh dở dang cuối kỳ} \\ \text{của từng CT/HMCT} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh doanh} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{của từng CT/HMCT} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh} \\ \text{doanh phát sinh trong} \\ \text{kỳ của từng CT/HMCT} \end{array}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí cấp pha và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong không quá 36 tháng.

Chi phí cấp pha

Chi phí cấp pha phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

ng Phạm H
ỚP ~

lô Hà Nội

xác định tin

thực lập dự
lập bằng
tại ngày
b.

tại ngày

đòi.
theo

h tũ

ến

n

NG HỢP

HÌNH
ĂM 2021

HÀN

9

102-C
NH
5-06
Y
U HA
LÀNG
TY VI
HUI
A T
C
A NC
TF

M.S.C.N. 030
TR
KIẾ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3-5

18

ĐÀ 9

g Phạm H
QP

Nam Từ Liêm
ố Hà Nội

như sau:
các định tin

ệc lập dự
lập bằng
tại ngày
ó.
tại ngày

đòi.
theo

h từ

ến

n

NG HỢP

HÍNH
AM 2021

HÀN

9

102C
NH
5-0C
U HA
CÁNH V
TY
HƯ
AT
C
A NC
TF

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

G ĐÀ 9

g Phạm H
QP

Nam Từ Liêm
ố Hà Nội

như sau:
các định tin

hiệp lập dự
lập bằng
tại ngày
5.
tại ngày

đòi.
theo

1 từ

ến

n

NG HỢP

HÍNH
AM 2021

HÀN

9

102C
NH
3-06Y
CỦA
TÂN V
HƯ
T
C
A N
T

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng Công ty Điện lực miền Bắc xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

g Phạm H
OP ~

ố Hà Nội

các định tin

thiết lập dự
lập bằng
tại ngày
6.

tại ngày

đòi.

theo

h từ

ến

7

HÌNH
AM 2021

HÀN

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuê thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

ĐÀ 9

g Phạm H
QP

Nam Từ Liêm 41 5
ố Hà Nội

như sau:
các định tin

tiệc lập dự
lập bằng
tại ngày
5.
tại ngày

đôi.
theo

h từ

ến

n

IG HỢP

HÍNH
AM 2021

HÀN

102-C
NH
5-00Y
U HA
AN V
TY V
HỮ
AT
C
A M
T

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	207.259.992	155.929.952
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.532.912.087	30.308.924.215
Cộng	18.740.172.079	30.464.854.167

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư vào Công ty con

Công ty đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu với giá gốc của khoản đầu tư là 85.347.816.852 VND (không thay đổi so với đầu năm) và giá trị hợp lý là 366.282.000.000 VND (đầu năm là 406.980.000.000 VND). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 10.710.000 cổ phiếu, tương đương 51,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu, không thay đổi so với số đầu năm.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc	Số cuối kỳ Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Số đầu năm Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà ⁽ⁱ⁾	18.628.000.000	(17.137.760.000)	1.490.240.000	18.628.000.000	(17.510.320.000)	1.117.680.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 1 ⁽ⁱ⁾	5.784.940.000	(5.515.440.000)	269.500.000	5.784.940.000	(5.613.440.000)	171.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội ⁽ⁱ⁾	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	(2.626.800.000)	1.373.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Vân Phong ⁽ⁱ⁾	3.000.000.000	(1.657.933.781)	-	3.000.000.000	(1.638.512.034)	-
Cộng	31.412.940.000	(24.311.133.781)	1.490.240.000	31.412.940.000	(27.389.072.034)	1.117.680.000

⁽ⁱ⁾ Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư này không thay đổi so với số đầu năm:

Tên Công ty	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	1.862.800	8,89%
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	245.000	4,90%
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	400.000	10,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Vân Phong	300.000	3,00%

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội hủy niêm yết từ ngày 04 tháng 6 năm 2021 do Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội không còn là Công ty đại chúng.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với cùng kỳ năm trước.

ĐÀ 9

g Phạm H
QP

Nam Từ Liêm 41 5
ố Hà Nội

như sau:

các định tin

tiệc lập dự
lập bằng
tại ngày
5.

tại ngày

đòi.

theo

h từ

ến

n

2

IG HỢP

HÍNH
AM 2021

HÀN

102-C
NH
5-OCY
UHA
LÂN V
TY V
HƯ
A T
C in
A NE
T

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	27.389.072.034	23.932.081.916
Trích lập dự phòng bổ sung	19.421.747	1.102.900.000)
Hoàn nhập dự phòng	3.097.360.000	-
Số cuối kỳ	24.311.133.781	25.034.981.916

Giao dịch với công ty con

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch nhận cổ tức từ Công ty con với số tiền là 10.710.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 7.497.000.000 VND)

3. Phải thu khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	374.923.708.912	352.195.756.773
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	342.965.590.536	309.223.872.728
Cơ quan Tổng Công ty Sông Đà	60.217.619.873	60.217.619.873
Ban điều hành dự án thủy điện Hòa Na	23.157.152.959	23.157.152.959
Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5	9.717.285.200	18.579.545.139
Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman 1	79.046.763.972	63.611.755.755
Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman 3	75.202.598.325	75.202.598.325
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	51.373.539.883	36.908.528.381
Ban điều hành dự án thủy điện Huội Quảng	9.851.485.960	10.260.624.642
Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu	34.399.144.364	21.286.047.654
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	156.415.889	156.415.889
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	503.182.908	503.182.908
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	912.755.691	1.320.925.425
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	5.159.912.346	7.207.908.237
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	-	8.557.600.044
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	18.751.692.294	18.751.692.294
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	5.683.040.293	5.683.040.293
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô Thị & Khu công nghiệp Sông Đà	791.118.955	791.118.955
Phải thu các khách hàng khác	161.388.057.580	170.930.130.813
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	51.327.407.966	51.327.407.966
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita - Quảng Nam	3.038.980.379	3.038.980.379
Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Đô thị TP HCM	39.520.135.746	54.001.876.176
Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	18.665.597.369	16.944.356.783
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	3.490.785.000	-
Các khách hàng khác	45.345.151.120	45.617.509.509
Cộng	536.311.766.492	523.125.887.586

3b. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu Tổng công ty Sông Đà - CTCP

ĐÀ 9

g Phạm H
QP

Nam Từ Liêm
ố Hà Nội

như sau:
các định tin

tiệc lập dự
lập bằng
tại ngày
5.
tại ngày

đòi.
theo

h từ

ến

n

IG HỢP

ÍNH
AM 2021

HÀN

102-C
NH
3-00Y
LÀNH
TƯ V
HUI
VÀ T
C
A N
TT

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	781.665.745	781.665.745
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	781.665.745	781.665.745
Trả trước cho người bán khác	151.215.171.142	146.993.260.952
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	29.757.486.765	33.355.782.068
Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	33.624.148.651	15.390.195.079
Bồi thường giải phóng mặt bằng tỉnh Lào Cai	16.805.113.319	16.805.113.319
Công ty Cổ phần đất Phù Sa	17.479.297.416	17.479.297.416
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Xây dựng Việt Nam	9.748.592.076	10.945.238.386
Công ty Cổ phần Thọ Xuân	12.279.250.652	19.540.264.000
Các nhà cung cấp khác	31.521.282.263	33.477.370.684
Cộng	151.996.836.887	147.774.926.697

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Điện Việt Lào vay với thời hạn 12 tháng; lãi suất vay được tính theo thông báo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9, căn cứ trên lãi suất Công ty Cổ phần Sông Đà 9 vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Khoản vay được gia hạn đến 31 tháng 12 năm 2021.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	14.959.490.896	(880.041.755)	14.959.491.256	(862.455.450)
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	45.228.750	-	45.228.750	-
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	14.914.262.146	(880.041.755)	14.914.262.506	(862.455.450)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	47.330.141.848	(5.416.444.193)	44.348.830.893	(5.416.444.193)
Các khoản ký quỹ, ký cược	2.344.197.707	-	2.220.697.707	-
Tạm ứng	33.438.462.633	-	29.630.789.336	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà - Tiền thuê văn phòng	3.375.669.603	(3.375.669.603)	3.375.669.603	(3.375.669.603)
Phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	317.486.375	-	515.075.480	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.854.325.530	(2.040.774.590)	8.606.598.767	(2.040.774.590)
Cộng	62.289.632.744	(6.296.485.948)	59.308.322.149	(6.278.899.643)

ĐÀ 9

g Phạm H

Nam Từ Liêm ố Hà Nội

như sau:
các định tin

tiệc lập dự
lập bằng
tại ngày

đòi.

theo

h từ

ến

n

IG HỢP

ÍNH
M 2021

HÀN

MSCN030

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	17.562.925.894	(17.562.925.894)	17.562.925.894	(17.562.925.894)
Công ty Cổ phần Phát triển	9.265.683.858	(9.265.683.858)	9.265.683.858	(9.265.683.858)
Kỹ thuật Xây dựng				
Công ty Cổ phần Thủy điện	1.463.289.775	(1.463.289.775)	1.463.289.775	(1.463.289.775)
Sử Pán 2				
Các khách hàng khác	6.833.952.261	(6.833.952.261)	6.833.952.261	(6.833.952.261)
Trả trước cho nhà cung cấp	3.491.336.780	(3.460.886.780)	3.491.336.780	(3.460.886.780)
Công ty Cổ phần Cơ khí				
Xây dựng và Thương mại	1.940.879.260	(1.940.879.260)	1.940.879.260	(1.940.879.260)
Dịch vụ 457				
Các nhà cung cấp khác	1.550.457.520	(1.520.007.520)	1.550.457.520	(1.520.007.520)
Phải thu khác	6.376.061.550	(6.296.485.948)	6.376.061.550	(6.278.899.643)
Công ty Cổ phần Xây dựng	3.375.669.603	(3.375.669.603)	3.375.669.603	(3.375.669.603)
Hạ tầng Sông Đà				
Các khoản khác	3.000.391.947	(2.920.816.345)	3.000.391.947	(2.903.230.040)
Cộng	27.430.324.224	(27.320.298.622)	27.430.324.224	(27.302.712.317)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	27.302.712.317	28.140.256.867
Trích lập dự phòng	17.586.305	-
Số cuối kỳ	27.320.298.622	28.140.256.867

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	32.785.798.545	-	30.541.668.432	-
Công cụ, dụng cụ	725.678.746	-	818.439.072	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	335.327.384.019	-	293.449.040.728	-
Công trình thủy điện XêKaMan 1	90.064.929.983	-	90.001.251.983	-
Công trình thủy điện Namthuen 1	57.386.067.289	-	57.386.067.289	-
Công trình thủy điện Tân Thượng	50.416.712.448	-	50.302.431.448	-
Công trình thủy điện Tân Mỹ	35.262.294.440	-	36.991.389.167	-
Công trình cải tạo kênh TP.Hồ Chí minh	42.698.649.519	-	16.747.303.481	-
Công trình khác	59.498.730.340	-	42.020.597.360	-
Cộng	368.838.861.310	-	324.809.148.232	-

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê kênh riêng liên tỉnh	93.247.174	279.741.521
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	608.455.500	-
Cộng	701.702.674	279.741.521

ĐÀ 9

g Phạm H
QP

Nam Từ Liêm ồ Hà Nội

như sau:

các định tín

liệt lập dự
lập bằng
tại ngày
s.

tại ngày

đòi.

theo

h từ

ến

n

IG HỢP

ÍNH
M 2021

HÀN



102-C
NH
5-00
UHA
IAN
TY
H
AT
C
A NC
TE

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí cấp pha	2.585.908.530	2.696.893.084
Chi phí sửa chữa	323.450.689	54.126.600
Cộng	2.909.359.219	2.751.019.684

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá^(*)					
Số đầu năm	848.192.059.273	550.383.848.840	292.541.496.518	2.376.292.658	1.693.493.697.289
Số cuối kỳ	848.192.059.273	550.383.848.840	292.541.496.518	2.376.292.658	1.693.493.697.289
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	32.626.959.308	275.072.291.278	219.198.647.392	2.183.947.931	529.081.845.909
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	101.014.750.153	391.469.148.399	261.043.643.964	2.308.654.027	755.836.196.543
Khấu hao trong kỳ	16.301.806.720	12.505.264.257	4.618.947.004	29.841.292	33.455.859.273
Số cuối kỳ	117.316.556.873	403.974.412.656	265.662.590.968	2.338.495.319	789.292.055.816
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	747.177.309.120	158.914.700.441	31.497.852.554	67.638.631	937.657.500.746
Số cuối kỳ	730.875.502.400	146.409.436.184	26.878.905.550	37.797.339	904.201.641.473
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 892.593.085.583 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

(*) Trong đó, Nguyên giá Tài sản cố định thuộc nhà máy thủy điện Pake được ghi nhận theo giá trị quyết toán ước tính là 759.856.425.624 VND và đang quyết toán dự án nên chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

ĐÀ 9

g Phạm H
QP

Nam Từ Liêm
ố Hà Nội

như sau:
các định tin

liệt kê lập dự
lập bằng
tại ngày
5.

tại ngày

đôi.
theo

h từ

ến

n

IG HỢP

ÍNH
M 2021

HÀN

MS.C.N.000
TR
KIẾ

12-C
NH
5-00
CÁNH
TƯ
HƯ
HAT
C
A N
TF

12-C
C
H
EM
WU

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.612.500.000	80.000.000	4.692.500.000
Số cuối kỳ	4.612.500.000	80.000.000	4.692.500.000
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	80.000.000	80.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	80.000.000	80.000.000
Số cuối kỳ	-	80.000.000	80.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.612.500.000	-	4.612.500.000
Số cuối kỳ	4.612.500.000	-	4.612.500.000
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí khấu hao của Tòa nhà Sông Đà 9. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.453.258.302	1.714.273.976
Số cuối kỳ	1.453.258.302	1.714.273.976

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

ĐÀ 9

g Phạm H
QP

Nam Từ Liêm ố Hà Nội

như sau:

tác định tin

tiệc lập dự

lập bằng

tại ngày

5.

tại ngày

đôi.

theo

h từ

ến

n

2

IG HỢP

ÍNH
M 2021

HÀN

M.S.C.N.0300
TR
KIẾ

102C
NH
5-00
U HA
AN V
TY
H H
AT
C
A NC
TP

DA
G
HAC
EM

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.540.506.062	3.855.418.150
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	843.973.964	843.973.964
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	32.433.208	32.433.208
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	597.988.387	597.988.387
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.015.702.346	1.115.702.346
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	130.470.486	130.470.486
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - Ucrin	919.937.671	1.134.849.759
Phải trả các nhà cung cấp khác	176.735.840.896	154.540.445.861
Liên danh nhà thầu KHIDI- KEM	20.087.462.071	20.165.614.829
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	26.869.730.236	20.663.120.092
Công ty Cổ phần Xăng dầu Thụy Dương	11.631.610.709	9.307.426.830
Các nhà cung cấp khác	118.147.037.880	104.404.284.110
Cộng	180.276.346.958	158.395.864.011

13b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	602.691.813	602.691.813
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	602.691.813	602.691.813
Phải trả các nhà cung cấp khác	6.180.056.997	6.180.056.997
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	3.921.534.169	3.921.534.169
Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 Phả Lại	2.258.522.828	2.258.522.828
Cộng	6.782.748.810	6.782.748.810

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	14.256.373.783	14.505.373.783
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	13.406.373.783	13.406.373.783
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	850.000.000	850.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	-	249.000.000
Trả trước của các khách hàng khác	209.855.045.980	239.656.998.480
Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông đô thị TP HCM (UCCI)	59.037.176.858	59.036.976.858
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Đà Nẵng	51.541.550.000	74.304.476.000
Ban quản lý Dự án Điện lực dầu khí Long Phú 1	54.527.140.656	54.527.140.656
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Cấp nước, thoát nước và Môi trường TP Hà Nội	21.628.480.466	21.655.892.966
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1	19.565.698.000	29.832.512.000
Các khách hàng khác	3.555.000.000	300.000.000
Cộng	224.111.419.763	254.162.372.263

ĐÀ 9
g Phạm H
P

G HỢP
ÍNH
M 2021

HÀN

Nam Từ Liêm
ố Hà Nội

như sau:
các định tin
iệc lập dự
lập bằng
tại ngày
ó.
tại ngày

đòi.
theo
h từ

ến

n
:

★ M.S.C.N.030
1A
KIE

3-00Y
HÀNH
TY
HƯ
AT
A C
T
H
N

3-00Y
HÀNH
TY
HƯ
AT
A C
T
H
N

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.676.730.330	-	10.294.683.567	(2.265.711.929)	12.705.701.968	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	844.941.161	3.346.477.118	(1.523.329.927)	978.206.030	-
Thuế thu nhập cá nhân	170.024.718	45.702.001	(21.148.665)	(156.178.145)	69.401.154	122.405.247
Thuế tài nguyên	2.218.301.135	-	3.782.712.909	(1.206.844.462)	4.794.169.582	-
Tiền thuế đất, Thuế nhà đất	942.786.321	-	284.515.302	(116.541.894)	1.110.759.729	-
Các loại thuế khác	30.976.903	-	7.000.000	(7.000.000)	30.976.903	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	1.340.267.000	(197.589.105)	1.142.677.895	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	284.646.746	-	1.290.409.433	(1.290.409.433)	284.646.746	-
Cộng	8.323.466.153	890.643.162	20.324.916.664	(6.763.604.895)	21.116.540.007	122.405.247

(*) Điều chỉnh thuế phải nộp các năm trước số tiền 3.171.682.031 VND theo kết luận thanh tra thuế ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Cục thuế thành phố Hà Nội.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

ĐÀ 9

g Phạm H
ĐP C

Nam Từ Liêm
ố Hà Nội

o như sau:

các định tin

iệc lập dự

lập bằng

tại ngày

5.

tại ngày

đòi.

theo

h từ

ến

n

:

G HỢP

ÍNH
M 2021

HÀN

102-
NH
3-00
U H
HÀN
TY
HƯ
AT
C
A N
T

102-
NH
3-00
U H
HÀN
TY
HƯ
AT
C
A N
T

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.167.017.398	2.827.983.082
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.490.775.489	1.060.661.194
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.490.775.489	1.060.661.194
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	5.657.792.887	3.888.644.276
Thu nhập được miễn thuế	(10.710.000.000)	(7.497.000.000)
Thu nhập tính thuế	(5.052.207.113)	(3.608.355.724)
- Thu nhập tính thuế phát sinh tại Việt Nam	(5.052.207.113)	(10.897.628.544)
- Thu nhập tính thuế phát sinh tại Lào	-	7.289.272.820
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ở Lào	-	1.457.854.564
Thuế TNDN đã nộp ở Lào	-	(1.457.854.564)
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	174.795.087	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	174.795.087	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với giá tính thuế là giá bán lẻ điện thương phẩm là 1.864,44 đ/Kwh (áp dụng từ ngày 20/3/2019 theo quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương) và thuế suất là 5%.

Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Công ty phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của cơ quan thuế hàng kỳ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	2.742.434.652	1.288.012.465
Chi phí công trình	18.745.426.747	30.641.132.691
Chi phí xây dựng nhà máy Thủy điện Pake	89.086.929.433	103.241.526.805
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	105.000.000	105.000.000
Cộng	110.679.790.832	135.275.671.961

ĐÀ 9

g Phạm H
DP C

Nam Từ Liêm ố Hà Nội

o như sau:

các định tin

iệc lập dự

lập bằng

tại ngày

5.

tại ngày

đòi.

theo

h từ

ến

n

?

IG HỢP

ÍNH
AM 2021

HÀN

102-C
NH
5-00Y
LÀNH V
TY V
H H
VAT
Cin
A NC
-T

M.S.C.N.030
TR
KIE

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	49.956.964.376	49.366.657.882
Tổng công ty Sông Đà - CTCP - Tiền phí bảo lãnh	1.892.428.376	1.302.121.882
Tổng công ty Sông Đà - CTCP - Tiền cổ tức ^(*)	48.064.536.000	48.064.536.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	53.338.311.837	49.698.121.085
Kinh phí công đoàn	792.517.736	646.892.728
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	7.080.288.537	6.032.114.001
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	34.097.064.000	34.097.064.000
Quỹ Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Lào Cai ^(**)	1.783.156.452	2.251.958.020
Cổ tức các năm trước (Công ty Cổ phần Sông Đà 901 cũ)	64.200.750	64.200.750
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	319.977.925	319.977.925
Các quỹ tự nguyện	853.354.513	954.845.343
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.347.751.924	5.331.068.318
Cộng	103.295.276.213	99.064.778.967

^(*) Bao gồm:

Cổ tức năm 2017 được Công ty chốt sanh sách cổ đông ngày 20 tháng 9 năm 2018	34.234.000.000	34.234.000.000
Cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 4 năm 2019	34.234.000.000	34.234.000.000
Cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 30 tháng 5 năm 2020	13.693.600.000	13.693.600.000
Cộng	82.161.600.000	82.161.600.000

^(**) Công ty phải nộp về Quỹ bảo vệ phát triển rừng tiền dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36VND/1kWh.

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng^(*)	399.765.607.600	396.742.090.594
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	175.069.793.508	166.910.118.165
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	30.218.217.539	35.239.658.432
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	164.880.866.913	164.995.584.357
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	29.596.729.640	29.596.729.640
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.757.283.834	4.200.259.610
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	44.890.800.000	51.062.688.644
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	3.700.000.000	12.292.462.958
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	39.900.000.000	37.479.425.686
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	1.290.800.000	1.290.800.000
Cộng	448.413.691.434	452.005.038.848

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

g Phạm H
Đp ~

ố Hà Nội

các định tin

thực lập dự
lập bằng
tại ngày
6.

tại ngày

đòi.

theo

h từ

ến

n

MINH
AM 2021

CHÂN

102-C
NH
5-00
U HA
IAN W
TY
HUI
AT
C
A NC
TE

M.S.C.N:030

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	396.742.090.594	4.200.259.610	51.062.688.644	452.005.038.848
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	77.237.477.692	-	-	77.237.477.692
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	26.495.400.000	26.495.400.000
Lãi vay nhập gốc	-	105.215.131	-	105.215.131
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(74.213.960.686)	(548.190.907)	(32.667.288.644)	(107.429.440.237)
Số cuối kỳ	399.765.607.600	3.757.283.834	44.890.800.000	448.413.691.434

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱ⁾	8.325.000.000	10.175.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai ⁽ⁱⁱ⁾	431.154.128.526	425.995.684.195
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	968.100.000	1.613.500.000
Cộng	440.447.228.526	437.784.184.195

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây để đầu tư cho dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công với lãi suất theo từng thời kỳ, thời gian vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai để thực hiện 02 dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị phục vụ thi công 2015" và "Xây dựng nhà máy Thủy điện Pake" với lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ, thời hạn vay của 02 dự án lần lượt là 60 tháng và 168 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2017 mã số XMTB.DA.SD9.01-2017 với lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	44.890.800.000	51.062.688.644
Trên 1 năm đến 5 năm	440.447.228.526	437.784.184.195
Cộng	485.338.028.526	488.846.872.839

ĐÀ 9

g Phạm H
DP

Nam Từ Liêm
ố Hà Nội

như sau:

các định tin

ệc lập dự
lập bằng
tại ngày
5.

tại ngày

đòi.

theo

h từ

ến

n

IG HỢP

ÍNH
M 2021

HÀN

M.S.C.N.030
TR
KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	437.784.184.195	384.599.807.185
Số tiền vay phát sinh	29.158.444.331	47.057.676.305
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(26.495.400.000)	(11.408.862.958)
Số cuối kỳ	<u>440.447.228.526</u>	<u>420.248.620.532</u>

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	6.107.036.768	5.320.160.656
Tăng do trích lập	-	1.063.976.112
Chi quỹ	(201.000.000)	(26.600.000)
Số cuối kỳ	<u>5.906.036.768</u>	<u>6.357.536.768</u>

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	342.340.000.000	21.400.709.579	219.965.678.005	15.004.608.522	598.710.996.106
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	1.370.128.518	1.370.128.518
Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.063.976.112)	(1.063.976.112)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(13.693.600.000)	(13.693.600.000)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(53.550.000)	(53.550.000)
Số dư cuối kỳ trước	<u>342.340.000.000</u>	<u>21.400.709.579</u>	<u>219.965.678.005</u>	<u>1.563.610.928</u>	<u>585.269.998.512</u>
Số dư đầu năm nay	342.340.000.000	21.400.709.579	219.965.678.005	1.629.085.895	585.335.473.479
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	3.992.222.311	3.992.222.311
Điều chỉnh thuế phải nộp các năm trước (*)	-	-	-	(3.171.682.031)	(3.171.682.031)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(67.200.000)	(67.200.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>342.340.000.000</u>	<u>21.400.709.579</u>	<u>219.965.678.005</u>	<u>2.382.426.175</u>	<u>586.088.813.759</u>

(*) Điều chỉnh thuế phải nộp các năm trước theo kết luận thanh tra thuế ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Cục thuế thành phố Hà Nội.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	200.269.440.000	200.269.440.000
Các cổ đông khác	142.070.560.000	142.070.560.000
Cộng	<u>342.340.000.000</u>	<u>342.340.000.000</u>

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.234.000	34.234.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.234.000	34.234.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.234.000	34.234.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

ĐÀ 9

g Phạm H

DP

Nam Từ Liêm ố Hà Nội

o như sau:

các định tin

iệc lập dự
lập bằng
tại ngày
5.

tại ngày

đòi.

theo

h từ

ến

n

?

IG HỢP

ÍNH
M 2021

HÀN

M.S.C.N.0300
TR
KIẾ

102/C
NH
3-00
U HA
TAN
TY V
H H
AT
A N
TF

04
C
IAC
EM
/NG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	342,68	355,88
Euro (EUR)	163,63	169,13

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	81.831.312.065	21.815.154.229
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	7.243.695.279	5.970.782.094
Doanh thu hợp đồng xây dựng	53.612.753.315	122.825.932.255
Cộng	142.687.760.659	150.611.868.578

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	32.276.154.753	12.097.016.509
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	2.403.559.399	4.680.066.674
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	65.733.076.602	102.649.260.991
Cộng	100.412.790.754	119.426.344.174

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	25.852.251	22.089.959
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.710.000.000	7.497.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	82.078.597
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	77.930.521	41.054.184
Cộng	10.813.782.772	7.642.222.740

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	36.994.691.017	20.688.818.952
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	4.334.602
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3.077.938.253)	1.102.900.000
Chi phí tài chính khác	21.531.735	22.681.745
Cộng	33.938.284.499	21.818.735.299

ĐÀ 9

g Phạm H

Nam Từ Liêm 41 ố Hà Nội

như sau:

các định tin

liệt kê lập dự
lập bằng
tại ngày
5.

tại ngày

đòi.

theo

h từ

ến

n

IG HỢP

ÍNH
M 2021

HÀN

102C
NH
3-00
HÀNG
TƯ
HƯ
HÀ T
A N
T

M.S.C.N.030
TH
KIE

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.263.166.118	8.413.673.442
Chi phí vật liệu quản lý	355.922.081	453.852.237
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.582.818	155.308.274
Chi phí khấu hao tài sản cố định	337.975.872	361.963.316
Thuế, phí và lệ phí	1.256.336.664	1.471.369.735
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	17.586.305	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	681.645.947	795.876.349
Các chi phí khác	1.687.459.486	1.819.283.385
Cộng	13.627.675.291	13.471.326.738

6. Chi phí khác

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Tiền chậm nộp thuế, BHXH	1.490.775.489	958.561.194
Phạt vi phạm hành chính	-	102.100.000
Chi phí khác	-	88.283.697
Cộng	1.490.775.489	1.148.944.891

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

8. Chi phí sản xuất theo yếu tố

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.739.260.378	20.436.671.152
Chi phí nhân công	11.530.035.476	15.913.609.957
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.117.883.401	20.252.771.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.456.820.879	56.448.569.886
Chi phí khác	29.516.830.734	23.562.330.560
Cộng (*)	138.360.830.868	136.613.953.021

(*) Chi phí này không bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp

ĐÀ 9

g Phạm H
DP C

Nam Từ Liêm 41 5
ố Hà Nội

như sau:

các định tin

ệc lập dự
lập bằng
tại ngày
5.

tại ngày

đòi.

theo

1 từ

ến

n

G HỢP

ÍNH
M 2021

HÀN

M.S.C.N.000
TR
KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay nhập gốc	105.215.131	107.235.335

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Kỳ này		Tiền lương	Cộng thu nhập
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc			
Trần Thế Quang	Chủ tịch	189.000.000	189.000.000
Nguyễn Gia Hàn	Thành viên	118.261.667	118.261.667
Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên	115.411.333	115.411.333
Nguyễn Hải Sơn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	169.201.000	169.201.000
Lê Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám Đốc (từ ngày 02/02/2021)	115.775.000	115.775.000
Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám Đốc	148.163.000	148.163.000
Ban Kiểm soát			
Vũ Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	91.233.333	91.233.333
Lương Thế Lãng	Thành viên	91.433.000	91.433.000
Nguyễn Thị Thu Phương	Thành viên		
Cộng		1.038.478.333	1.038.478.333

ĐÀ 9

g Phạm H

DP

Nam Từ Liêm ố Hà Nội

như sau:

các định tin

ệc lập dự
lập bằng
tại ngày
5.

tại ngày

đòi.

theo

1 từ

ến

n

G HỢP

ÍNH
M 2021

HÀN

M.S.C.N.0307
TR
KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

		Tiền lương	Cộng thu nhập
Kỳ trước			
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc			
Nguyễn Hoàng Cường	Chủ tịch (đến 30/5/2020)	157.500.000	157.500.000
Nguyễn Gia Hân	Thành viên	86.580.917	86.580.917
Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên	87.914.140	87.914.140
Trần Thế Quang	Tổng Giám đốc	106.524.360	106.524.360
Nguyễn Hữu Tiến	Phó Tổng Giám Đốc	106.914.240	106.914.240
Nguyễn Hải Sơn	Phó Tổng Giám Đốc	94.534.008	94.534.008
Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám Đốc	116.937.240	116.937.240
Ban Kiểm soát			
Vũ Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	96.600.000	96.600.000
Lương Thế Lăng	Thành viên	78.410.000	78.410.000
Nguyễn Thị Thu Phương	Thành viên		
Cộng		931.914.905	931.914.905

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Công ty con gián tiếp
Các Công ty con và Công ty liên kết của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác không phải công ty con như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu xây lắp, bán hàng hóa, dịch vụ cho bên liên quan		
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	96.210.494	126.853.444
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	(9.622.983.616)	1.818.165.206
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	2.873.354.148	2.962.443.645
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	17.523.618.270
Giá trị xây lắp hoàn thành, mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan cung cấp		
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	971.951.406	583.282.700
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.140.946.633	1.546.131.157
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	26.735.100	3.097.875.065
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	-	411.315.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.14 và V.15.

ĐÀ 9

g Phạm H
p c

Nam Từ Liêm
ố Hà Nội

như sau:
các định tin

ệc lập dự
lập bằng
tại ngày
5.

tại ngày

đòi.
theo

i từ

ến

n

với

uán

i các

nhập

00.000

51.667

11.333

01.000

775.000

163.000

233.333

433.000

3.478.333

G HỢP

ÍNH
M 2021

HÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh: xây lắp.
- Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Sản xuất điện	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	60.856.448.594	81.831.312.065	142.687.760.659
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.856.448.594	81.831.312.065	142.687.760.659
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(7.280.187.407)	49.555.157.312	42.274.969.905
Chi phí quản lý doanh nghiệp theo bộ phận	(7.928.511.666)	(5.699.163.625)	(13.627.675.291)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(15.208.699.073)	43.855.993.687	28.647.294.614
Doanh thu hoạt động tài chính	10.813.348.693	434.079	10.813.782.772
Chi phí tài chính	142.026.629	(34.080.311.128)	(33.938.284.499)
Thu nhập khác	135.000.000	-	135.000.000
Chi phí khác	(1.478.002.867)	(12.772.622)	(1.490.775.489)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(174.795.087)		(174.795.087)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.771.121.705)	9.763.344.016	3.992.222.311
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	369.429.850	1.216.911.000	1.586.340.850
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.992.005.966	27.469.893.469	34.461.899.435
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	128.796.714.349	21.815.154.229	150.611.868.578
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	128.796.714.349	21.815.154.229	150.611.868.578
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.467.386.684	9.718.137.720	31.185.524.404
Chi phí quản lý doanh nghiệp theo bộ phận	(11.353.787.012)	(2.117.539.726)	(13.471.326.738)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.113.599.672	7.600.597.994	17.714.197.666
Doanh thu hoạt động tài chính	7.642.023.443	199.297	7.642.222.740
Chi phí tài chính	(18.591.478.542)	199.297	(21.818.735.299)

ĐÀ 9

g Phạm H
p c

Nam Từ Liêm ở Hà Nội

như sau:

các định tin

liệt kê dự
lập bằng
tại ngày
3.

tại ngày

đòi.

theo

1 từ

ến

n

;

với

it.

quản

ới các

nhập

000.000

261.667

411.333

201.000

1.775.000

8.163.000

1.233.333

1.433.000

38.478.333

G HỢP

ÍNH
M 2021

HÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Xây lắp	Sản xuất điện	Cộng
Thu nhập khác	439.242.866	(3.227.256.757)	439.242.866
Chi phí khác	(295.895.801)	-	(1.148.944.891)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.457.854.564)	(853.049.090)	(1.457.854.564)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.150.362.926)	3.520.491.444	1.370.128.518
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.846.328.488	442.159.849	6.288.488.337
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.145.595.667	9.399.767.634	24.545.363.301

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Sản xuất điện	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.181.129.433.625	871.209.337.790	2.052.338.771.415
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			95.092.023.101
Tổng tài sản			2.147.430.794.516
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	694.052.136.089	861.383.807.900	1.555.435.943.989
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			5.906.036.768
Tổng nợ phải trả			1.561.341.980.757
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.003.345.081.124	1.077.053.741.630	2.080.398.822.754
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			90.824.943.120
Tổng tài sản			2.171.223.765.874
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	898.159.219.137	681.622.036.490	1.579.781.255.627
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			6.107.036.768
Tổng nợ phải trả			1.585.888.292.395

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

ĐÀ 9

g Phạm H
P

Nam Từ Liêm 41, 5
ố Hà Nội

như sau:
các định tin

ệc lập dự
lập bằng
tại ngày
6.
tại ngày

đòi.
theo

h từ

ến

n

;

ản

với
t.

quản

5i các

nhập

000.000

261.667

411.333

201.000

775.000

1.163.000

1.233.333

1.433.000

8.478.333

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phùng Thị Minh Nghĩa

Trần Thế Anh

Nguyễn Hải Sơn

G HỢP

INH
M 2021

HÀN